TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU** Số: 03/2018/QĐHNGĐ-ST Ngày: 09 - 02 - 2018 V/v yêu cầu công nhận Thuận tình ly hôn.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN

Với thành phần giải quyết việc dân sự:

Chủ tọa phiên họp: Ông **Nguyễn Thành Phước** - Thẩm phán.

Thư ký phiên họp: Ông **Sơn Ngọc Trọng** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên họp: Ông **Hồ Văn Kệ** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau; mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 23/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2018, về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" theo Quyết định mở phiên họp số: 12/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 02 tháng 02 năm 2018.

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà **Tạ Kim K**, sinh năm 1976.

- Ông **Hồng Thanh P**, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp C, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Tại phiên họp bà Tạ Kim K có mặt. Ông Hồng Thanh P xin vắng mặt.

2. Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Bà Tạ Kim K và ông Hồng Thanh P thống nhất trình bày, ông bà xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1993 và có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền vào ngày 29/5/2006. Trong quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến cuộc sống chung và không hạnh phúc. Cả hai không còn chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015 cho đến nay. Vì vậy, ông bà thống nhất thỏa thuận, thuận tình ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận.

- Về con chung: Có 04 người tên Hồng Thúy Tr (giới tính nữ), sinh ngày 13/10/1994, Hồng Phương Tr (giới tính nữ), sinh ngày 02/7/1996, Hồng Phương Tr (giới tính nữ), sinh ngày 12/5/2004 và Hồng Quỳnh A (giới tính nữ), sinh ngày 10/01/2013. Đối với Hồng Thúy Tr và Hồng Phương Tr đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết. Riêng đối với Hồng Phương Tr và Hồng Quỳnh A hai đương sự thống nhất thỏa thuận giao cho bà Tạ Kim K

tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, ông Hồng Thanh P cấp dưỡng nuôi 02 người con là 1.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng.

- Về tài sản chung: Thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Phú Tân nhận định:

- Về tố tụng: Ông Hồng Thanh P có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Vì vậy, giải quyết vắng mặt ông Hồng Thanh P theo quy định tại khoản 2 Điều 367 của Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

- Về hôn nhân, bà Tạ Kim K và ông Hồng Thanh P xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1993 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C vào ngày 29/5/2006. Do đó, hôn nhân giữa bà Tạ Kim K và ông Hồng Thanh P được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Bà Tạ Kim K và ông Hồng Thanh P thống nhất trình bày, ông bà chung sống với nhau thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đồng thời cả hai không còn chung sống từ năm 2015 cho đến nay mà không thể hàn gắn, không thể tiếp tục cuộc sống chung. Hiện tại ông bà xác định cuộc sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc nên tự thỏa thuận, thuận tình ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận. Xét thấy sự thuận tình ly hôn giữa bà Tạ Kim K và ông Hồng Thanh P là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và sự tự thỏa thuận trên là phù hợp với quy định của pháp luật. Nên việc công nhận sự thuận tình ly hôn cho bà Tạ Kim K và ông Hồng Thanh P là hoàn toàn phù hợp.

- Về con chung: Có 04 người là Hồng Thúy Tr (giới tính nữ), sinh ngày 13/10/1994, Hồng Phương Tr (giới tính nữ), sinh ngày 02/7/1996, Hồng Phương Tr (giới tính nữ), sinh ngày 12/5/2004 và Hồng Quỳnh A (giới tính nữ), sinh ngày 10/01/2013. Đối với Hồng Thúy Tr và Hồng Phương Tr đã trưởng thành, có khả năng tự lao động sinh sống nên các đương sự không yêu cầu giải quyết. Riêng đối với Hồng Phương Tr và Hồng Quỳnh A cả hai đương sự thống nhất thỏa thuận giao cho bà Tạ Kim K tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, ông Hồng Thanh P cấp dưỡng nuôi 02 người con là 1.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng. Xét thấy việc thỏa thuận nuôi con và thỏa thuận về mức cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên có căn cứ chấp nhận.

- Về tài sản chung: Các đương sự thống nhất tự thỏa thuận và nợ chung thống nhất là không có, không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân: Bà Tạ Kim K và ông Hồng Thanh P thống nhất thỏa thuận thuận tình ly hôn không bị ai ép buộc, xúi giục và không trái đạo đức xã hội, nên đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Tạ Kim K và ông Hồng Thanh P. Về con chung yêu cầu Tòa án công nhận sự thỏa thuận người nuôi con và mức cấp dưỡng giữa bà Tạ Kim K và ông Hồng Thanh P.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35; các điều 367, 369, 370 và Điều 371 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu, công nhận sự thỏa thuận - thuận tình ly hôn giữa bà **Tạ Kim K** và ông **Hồng Thanh P**.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà Tạ Kim K và ông Hồng Thanh P như sau: Tiếp tục giao người 02 con chung tên là Hồng Phương Tr (giới tính nữ), sinh ngày 12/5/2004 và Hồng Quỳnh A (giới tính nữ), sinh ngày 10/01/2013 cho bà Tạ Kim K tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa bà Tạ Kim K và ông Hồng Thanh P về mức cấp dưỡng: Ông Hồng Thanh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 người con chung là Hồng Phương Tr và Hồng Quỳnh A mỗi tháng là 1.000.000 đồng/tháng/02 người con, cấp dưỡng hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày công bố quyết định (ngày 09/02/2018) cho đến khi Hồng Phương Tr và Hồng Quỳnh A đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động sinh sống.

Ông Hồng Thanh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp bên có nghĩa vụ cấp dưỡng thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Lệ phí giải quyết việc dân sự: Bà Tạ Kim K và ông Hồng Thanh P mỗi người chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), bà Tạ Kim K tự nguyện chịu toàn bộ, bà K đã nộp tiền tạm ứng lệ phí tại biên lai thu tiền số 0006890, ngày 26/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyển thu.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án:

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA (TA tỉnh);
- Chi cục THADS huyện Phú Tân (khi có hiệu lực);
- UBND thị trấn C (huyện P);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thành Phước